TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2020/HS-ST
Ngày 28 – 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Thanh Bình;

- Ông Nguyễn Thiện Hoàn.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

A Mách K, sinh năm 1991; tại An Phú, An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Hồi; quốc tịch: Việt Nam; con ông A P, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1949; bị cáo có 10 anh, chị, em, bị cáo là người nhỏ nhất.

Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình tại xã V, không đi học ở nhà phụ giúp gia đình. Sống bằng việc làm thuê cho đến ngày phạm pháp.

Tiền án: Không

Tiền sự: 01 lần, Ngày 17/11/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng, chấp hành xong ngày 22/02/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2020 đến nay.

Bị cáo có mặt.

Bị hại:

Chị Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông A P, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

1/ Ông Trần Văn B, sinh năm 1966;

2/ Ông Hồ Văn T, sinh năm 1985;

3/ Bà Trần Thị Cẩm T1, sinh năm 1985.

Tại phiên tòa, chị N, ông A P có mặt; những người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 27/6/2020, A Mách K điều khiển xe môtô biển kiểm soát 83C1-348.41 từ nhà đến khu vực Mương Sáu Nhỏ (phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang) mua ma túy sử dụng. Trong lúc mua ma túy, K gặp Đ (không rõ nhân thân, địa chỉ), rồi cả hai cùng sử dụng ma túy. Sử dụng ma túy xong, Đ rủ K đi tìm tài sản để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài, được K đồng ý. Cả hai thỏa thuận đến chiếm đoạt điện thoại của chị Nguyễn Ngọc N bày bán cạnh lề đường tại khu vực đường dẫn Cầu Cồn Tiên thuộc ấp Phước Thọ, xã Đa Phước, huyện An Phú.

Để thực hiện, K điều khiển xe môtô 83C1-348.41 chở Đ đến địa điểm chị N bán điện thoại. Quan sát đến khi vắng người, K điều khiển xe môtô dừng cách nơi chị N bán khoảng 01m, đầu xe hướng về Châu Đốc, còn Đen thì xuống xe đi đến vờ hỏi mua điện thoại. Lợi dụng chị N sơ hở, Đ giật lấy 03 điện thoại di động (01 Samsung J320 màu vàng, 01 Samsung G351 màu trắng và 01 Samsung G350 màu vàng) cầm trên hai tay chạy đến nhảy lên xe cho K điều khiển tẩu thoát. Cùng lúc này, chị N truy hô và đuổi theo giữ Đ lại khiến xe môtô bị ngã làm K và Đen té xuống đường, nên K bỏ lại xe môtô chạy bộ về hướng Cầu Cồn Tiên thì bị lực lượng Công an bắt quả tang ngay sau đó, còn Đ mang theo 03 điện thoại chiếm đoạt của chị N chạy thoát.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản số 30/KL-ĐGTSTTHS ngày 03/7/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang, xác định:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J320, màu vàng đã qua sử dụng có giá trị là 600.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung G351, màu trắng đã qua sử dụng có giá trị là 500.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung G350, màu vàng đã qua sử dụng có giá trị là 500.000 đồng.

Tổng giá trị là: 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Ngày 06/7/2020, A Mách K bị khởi tố, điều tra.

Cáo trạng số 38/VKS-HS.AP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo A Mách K về tội "*Cướp giật tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo xác định Đ rủ bị cáo tìm tài sản chiếm đoạt, bị cáo đồng ý và chở Đ đến chỗ chị N bán điện thoại ven đường để thực hiện hành vi chiếm đoạt. Bị cáo xác định xe mô tô là bị cáo đứng tên mua nhưng cha bị cáo đưa 9.000.000 đồng, số còn lại là của bị cáo tích lũy. Từ khi mua đến nay bị cáo là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho chị N 1.600.000 đồng.

Bị hại Nguyễn Ngọc N trình bày phù hợp nội dung vụ án. Theo chị N, 03 điện thoại của chị bị chiếm đoạt có giá trị khoảng 2.600.000 đồng. Tuy nhiên định giá 1.600.000 đồng thì chị cũng đồng ý. Chị có yêu cầu bị cáo bồi thường.

Ông A P trình bày: Việc bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội ông không biết. Trước đây ông có đưa cho K số tiền 9.000.000 đồng để mua xe. Mục đích là để cho K làm phương tiện đi lại và làm ăn. Việc Tòa án xử lý thế nào ông không có ý kiến. Còn về phần tiền bồi thường cho chị N thì ông đồng ý thay bị cáo bồi thường theo yêu cầu của chị N, cam kết 05 ngày sẽ bồi thường.

Trong lời luận tội, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị tuyên bố bị cáo A Mách K phạm tội *"Cướp giật tài sản"*; đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường giữa bị cáo với bị hại. Theo đó bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị N số tiền 1.600.000 đồng. Đề nghị tuyên trả xe mô tô biển kiểm soát 83C1-348.41 cho ông A P.

Bị cáo A Mách K, bị hại N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan N không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hứa không tái phạm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Tại phiên tòa những người làm chứng vắng . Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án; Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại không có ý kiến về việc vắng mặt của những người làm chứng, nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, xét xử vắng mặt những người làm chứng là phù hợp quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, những người làm chứng; căn cứ Biên bản bắt người phạm tội quả tang của Công an xã Đa Phước lập lúc 11 giờ 40 phút ngày 27/6/2020; căn cứ Kết luận định giá tài sản số 30/KL-ĐGTSTTHS ngày 03/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang; Biên bản khám nghiệm hiện trường, phương tiện thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có cơ xác định:

Khoảng 10 giờ ngày 27/6/2020, A Mách K điều khiển xe môtô nhãn hiệu XPARI, số loại SIRIUS 110, màu trắng đen, biển kiểm soát 83C1-348.41 chở người tên Đ đến nơi chị Nguyễn Ngọc N bán điện thoại cặp lề đường dẫn lên cầu Cồn Tiên thuộc ấp Phước Thọ, xã Đa Phước, huyện An Phú. Tại đây, Đ giả vờ đến xem điện thoại và đã dùng tay lấy 03 điện thoại nhảy lên xe để K chở tẩu thoát. Chị N tri hô và nắm được Đ làm xe ngã. A Mách K bị bắt quả tang cùng xe mô tô; người tên Đ cầm theo 03 điện thoại chạy tẩu thoát.

Bị cáo A Mách K là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng cùng Đ bàn bạc thống nhất cố ý thực hiện. Căn cứ Điều 17 Bộ luật Hình sự xác định bị cáo A Mách K là đồng phạm với Đ về hành vi chiếm đoạt là 03 điện thoại di động có tổng trị giá 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng. Từ đó có đủ căn cứ kết luận, hành vi của bị cáo và Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xác định, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo ra trước phiên tòa

hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Để có được tài sản, công dân phải trải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới có được. Do đó, tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân đều bị pháp luật nghiêm trị. Bị cáo đang ở độ tuổi lao động, đáng lẽ bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và giúp đỡ gia đình, nhưng vì bản chất lười lao động, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng nên bị cáo đã cùng Đ bàn bạc, thống nhất với nhau thực hiện hành vi phạm tội.

Đây là vụ án có đồng phạm, là đồng phạm giản đơn. Bị cáo và Đ đều là những người nghiện ma túy, đã rủ nhau chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài. Đ là người rủ rê, bị cáo là người phát hiện và chở Đ đến nơi chị N bán điện thoại; là người giúp sức cả về tinh thần lẫn vật chất. Hành vi của bị cáo và Đ là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm áp dụng đối với bị cáo để phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với người tên Đ đã tẩu thoát, Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, tại phiên tòa bị cáo và gia đình bị cáo cũng đã tự nguyện nhận bồi thường thiệt hại chi chị N, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, người dân tộc thiểu số nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, nhân thân bị cáo là không tốt. Bị cáo là đối tượng đã được đưa cai nghiện bắt buộc, đang còn tiền sự nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Từ đó cho thấy bị cáo chưa có ý thức phục thiện.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân không tốt, đã bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa cai nghiện bắt buộc nhưng vẫn không sửa đổi. Xét cần áp dụng hình phạt tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình, thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét thấy bị cáo không nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh khinh tế khó khăn, nên thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát là không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

[5.1] về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người tên Đ chiếm đoạt 03 điện thoại của chị N. Do Đ trốn mang theo 03 điện thoại nên không thu hồi được. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường giá trị 03 điện thoại cho chị N là 1.600.000 đồng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, nên công nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại.

[5.2] Về xử lý vật chứng: Bị cáo đã sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 83C1-348.41 làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Theo ông A P thì ông cho A Mách K 9.000.000 đồng mua xe, bị cáo cũng xác định ông A P có cho bị cáo 9.000.000 đồng, số còn lại là do bị cáo tích lũy. Theo Giấy bán xe ngày 09/5/2020 của Cửa hàng mua bán xe gắn máy 380II, địa chỉ 26/2A Phan Văn Đối, ấp Tiền Lân, huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh thì xe này người đứng tên mua là A Mách K. Kể từ khi nhận được xe, K là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Như vậy, A Mách K mới là người chủ sở hữu theo quy định của pháp luật. Do đó cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về chi phí tố tụng:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Vê tội danh: Tuyên bố bị cáo A Mách K phạm tội: *"Cướp giật tài sản"*.

2/ Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo A Mách K (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 27/6/2020 (ngày hai mươi bảy tháng sáu năm hai nghìn không trăm hai mươi).

3/ Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

3.1 Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo A Mách K bồi thường cho chị Nguyễn Ngọc N 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị N có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo A Mách K không thi hành đầy đủ khoản tiền bồi thường thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm bồi thường tại thời điểm thanh toán.

3.2 Căn cứ các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu XPARI, số loại SIRIUS 110, màu trắng đen, biển kiểm soát 83C1-348.41 (Giấy chứng nhận đăng ký số 018639, đứng tên Huỳnh Văn Triều do Công an huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01 tháng 01 năm 2017).

4/ Về án phí:

Căn cứ Điều 136, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bị cáo A Mách K phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng án phí sơ thẩm bị cáo K phải chịu là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

- Bị cáo và các đương sự trong vụ án không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

5/ Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt Bị cáo A Mách K; bị hại Nguyễn Ngọc N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông A P. Thời hạn kháng cáo của bị cáo K, chị N, ông A P là15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2020).

(*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện An Phú (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND xã Vĩnh Trường (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Người LQ (1)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Sáu